

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm mạnh trong phiên giao dịch đầu năm sau dự báo mới nhất của Nikkei Asia về việc kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục dẫn đầu tăng trưởng trong khu vực Đông Nam Á trong năm 2021

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL tiếp tục mở rộng đà tăng nhờ diễn biến tích cực của TTCK toàn cầu

## [Thông tin doanh nghiệp]

VJC, MPC

## [Quan điểm đầu tư]

Khuyến nghị tiếp tục duy trì vị thế trung hạn và có thể kết hợp trading 1 phần, đồng thời cân bằng lại vị thế ngắn hạn khi chỉ số tiếp cận vùng cản gần

17/02/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,155.78	+3.66
VN30	1,174.91	+4.02
HĐTL VN30F1M	1,176.60	+7.75
HNXIndex	230.57	+2.52
HNX30	350.72	+4.10
UPCoM	75.74	+2.61
USD/VND	23,015	+0.08
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.24	+1
Lãi suất qua đêm (%)	1.98	+44
Dầu (WTI, \$)	60.44	+0.65
Vàng (LME, \$)	1,787.77	-0.37

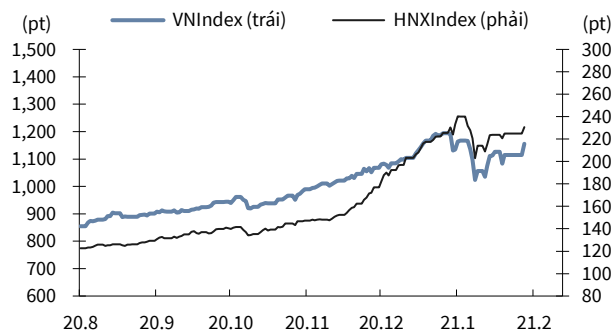


# Điểm nhấn thị trường

<b>VNIndex</b>	<b>1,155.78 (+3.66%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>459.2 (-0.1%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>603.9 (+9.6%)</b>
<b>HNXIndex</b>	<b>230.57 (+2.52%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>83.1 (+12.5%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>64.8 (+18.5%)</b>
<b>UPCoM</b>	<b>75.74 (+2.61%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>46.9 (+43.0%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>28.8 (+54.9%)</b>
<b>NĐTNN mua ròng (triệu US\$)</b>	<b>+30.8</b>

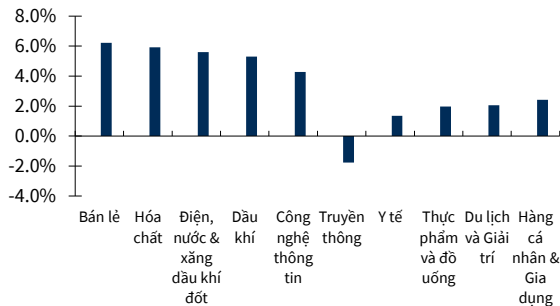
TTCK Việt Nam tăng điểm mạnh trong phiên giao dịch đầu năm sau dự báo mới nhất của Nikkei Asia về việc kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục dẫn đầu tăng trưởng trong khu vực Đông Nam Á trong năm 2021. Giá dầu tiếp tục tăng trước động thái cắt giảm sản lượng của Saudi Arabia và Iraq từ đầu tuần trước, trong khi nhiều nhà máy sản xuất lớn trên thế giới phải đóng cửa do vấn đề thời tiết khiến giá cổ phiếu nhóm dầu khí tăng mạnh như GAS (+6.9%), PVD (+6.9%). Cổ phiếu ngành đường tăng giá mạnh như SLS (+9.9%), LSS (+6.8%), SBT (+6.6%) sau khi Bộ Công Thương công bố kết quả điều tra sản phẩm đường mía nhập khẩu từ Thái Lan, bao gồm đường tinh luyện và đường thô, được trợ cấp, bán phá giá ở mức 48.88% và quyết định áp dụng thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp với đường thô xuất xứ Thái Lan ở mức 33.88%. MPC (+13.9%) tăng mạnh sau thông tin Hải quan Mỹ kết luận không tìm được bằng chứng doanh nghiệp này nhập tôm Ấn Độ bán vào Mỹ. Khối ngoại mua ròng ở VHM (+4.3%), HPG (+4.0%), VRE (+7.0%).

## VNIndex & HNXIndex



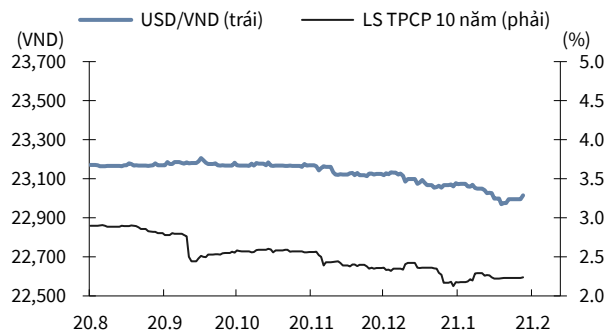
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



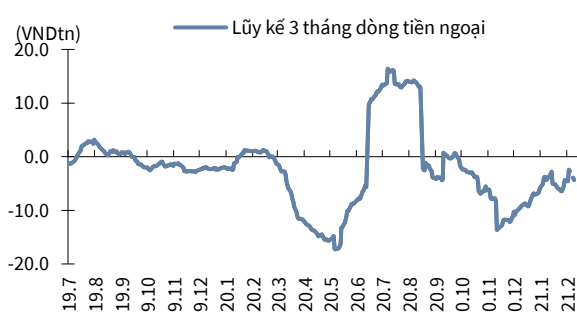
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

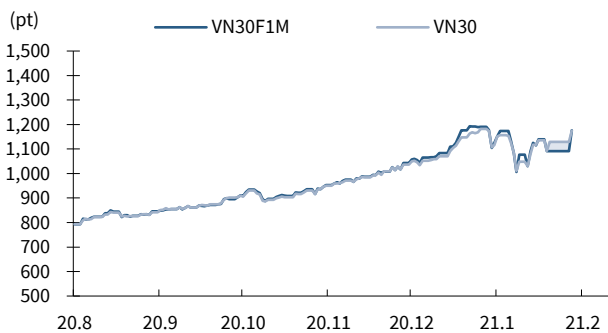
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,174.91 (+4.02%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,176.6 (+7.75%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,140.5</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,176.6</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,140.1</b>

HĐTL tiếp tục mở rộng đà tăng nhờ diễn biến tích cực của TTCK toàn cầu trong giai đoạn nghỉ tết. Chênh lệch F2102 và VN30 mở cửa ở mức 12.1 và thu hẹp dần, đóng cửa ở mức 1.69. NĐTNN bán ròng F2102 và mua ròng F2103 trong phiên hôm nay. Thanh khoản thị trường giảm khi ngày mai là phiên đáo hạn phái sinh.

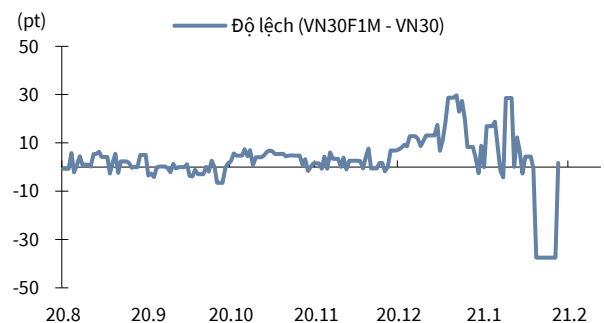
**KLGD (HĐ)**      **136,306 (-35.5%)**

## HĐTL VN30F1M & VN30



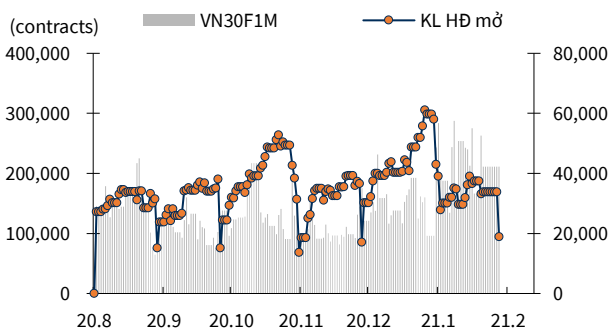
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



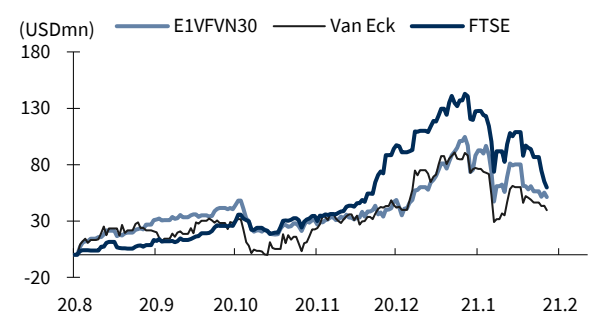
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

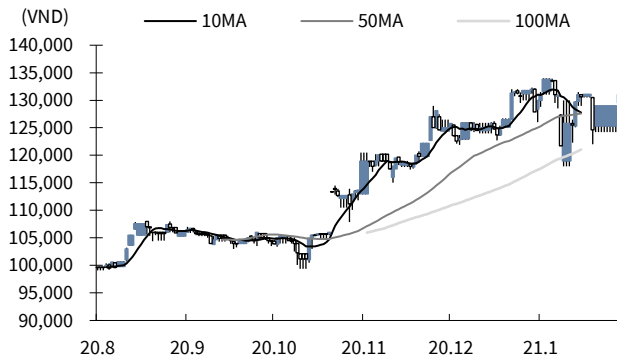
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## Vietjet (VJC)

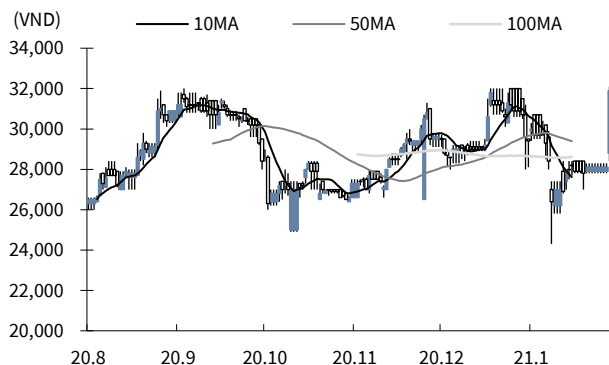


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VJC tăng 1.6% lên 131,000 VNĐ/cp.

- Theo báo cáo mới nhất của Cục Hàng không dân dụng Thái Lan, thị phần hàng không nội địa năm 2020 có sự thay đổi lớn khi các hãng hàng không chi phí thấp chiếm tới trên 80% thị phần, trong đó Vietjet Thái Lan (công ty con của VJC) ở vị trí số 2 khi chiếm 17.3%.
- Vietjet Thái Lan là hãng hàng không sau cùng gia nhập thị trường Thái Lan và bắt đầu khai thác các chuyến bay thương mại từ tháng 9/2016.

## Thủy sản Minh Phú (MPC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

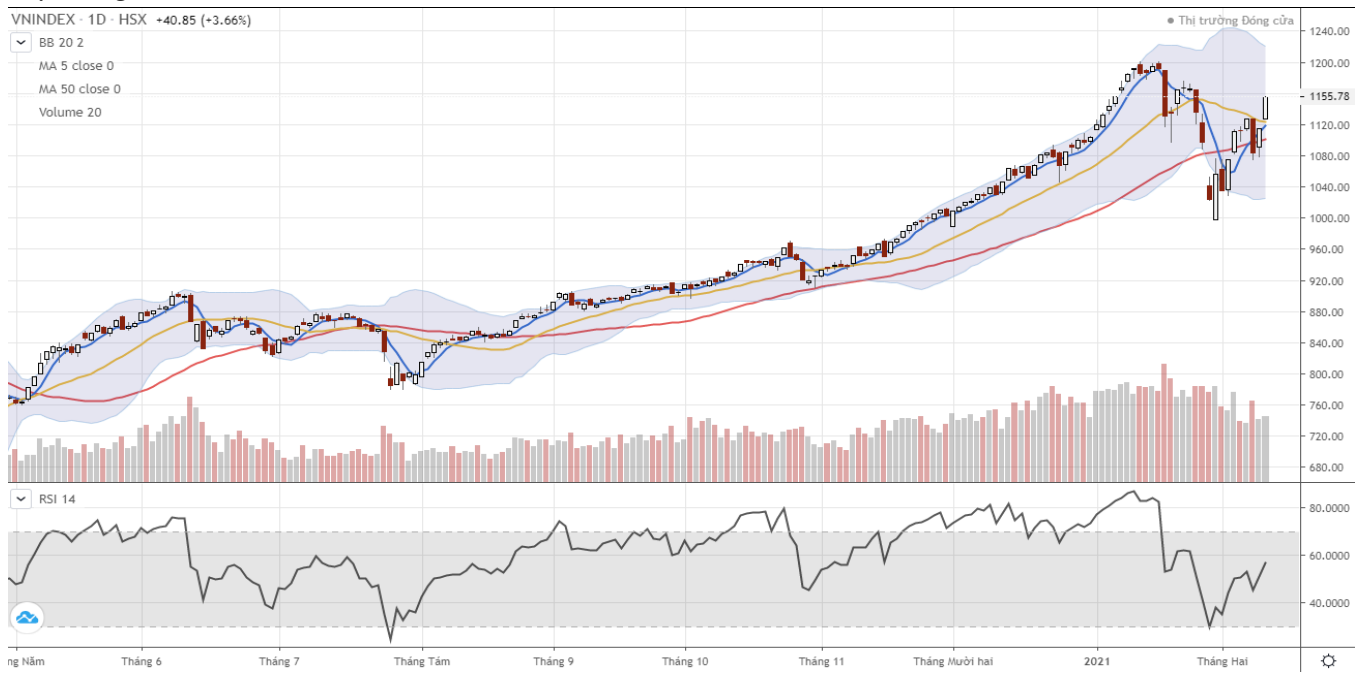
- MPC tăng 13.9% lên 31,900 VNĐ/cp.

- MPC công bố BCTC riêng năm 2020 với lợi nhuận 547 tỷ đồng (-15.7% YoY) và doanh thu 9,340 tỷ đồng (-13% YoY).
- Theo thông tin từ BLĐ, Hải quan Mỹ kết luận không tìm được bằng chứng MPC nhập tôm Ấn Độ bán vào Mỹ. Như vậy, MPC không bị thuế phá giá và được hoàn trả lại tất cả số tiền thuế đã nộp

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

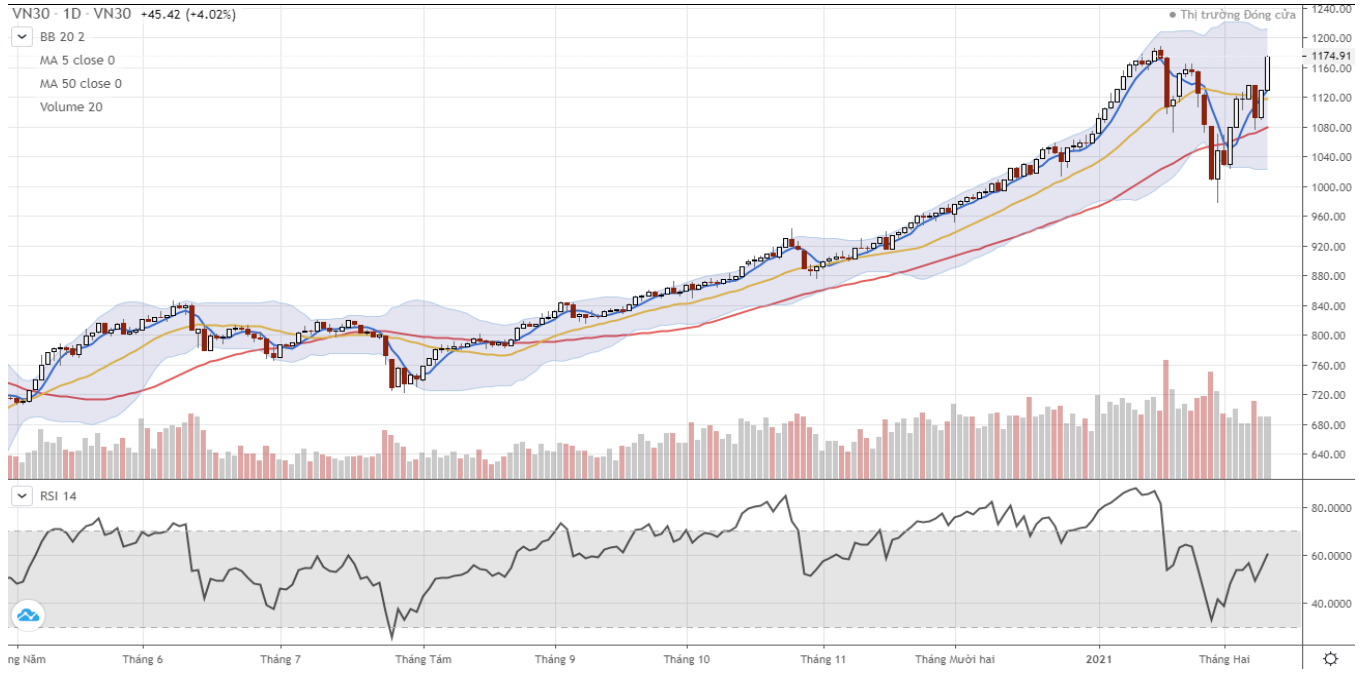
### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



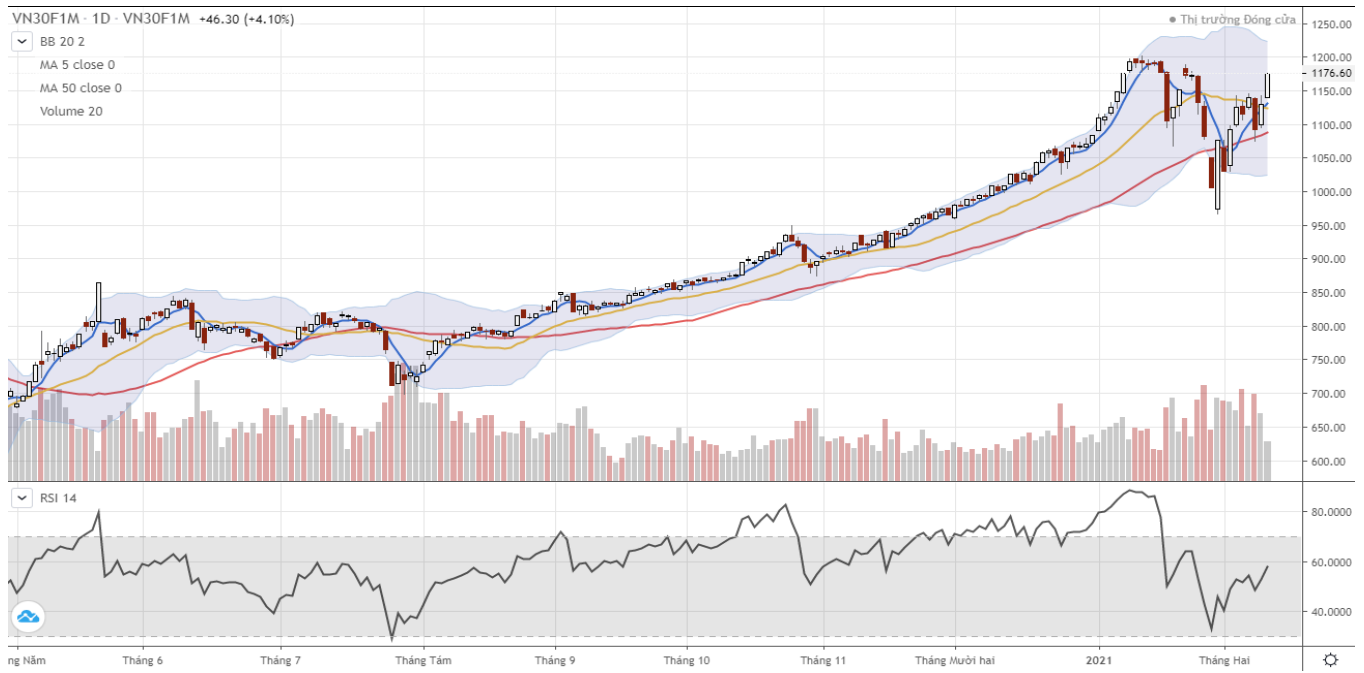
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex mở gap tăng điểm ngay từ đầu phiên trước khi tiếp tục mở rộng đà bứt phá trong phiên.
- Theo quan sát của chúng tôi, nhịp điều chỉnh trước đó và nhịp hồi phục lần này đang có phần "gấp gáp", và điều này có thể khiến chỉ số đối mặt với áp lực rung lắc khi tiến lên vùng kháng cự tiếp theo tại quanh 1180 (+5). Mặc dù vậy, xu hướng hồi phục vẫn đang đóng vai trò chủ đạo với cơ hội vượt vùng đỉnh cũ tại quanh 1200 đang được bảo lưu.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục duy trì vị thế trung hạn và có thể kết hợp trading 1 phần, đồng thời cân bằng lại vị thế ngắn hạn khi chỉ số tiếp cận vùng cản gần.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

**Kháng cự xa:** 1200 - 1210

**Kháng cự gần:** 1186 - 1191

**Hỗ trợ gần:** 1167 - 1171

**Hỗ trợ xa:** 1161 - 1165

- F1 mở gap đầu phiên kèm theo những nhịp tăng gồng đầu và tiếp tục bứt phá trong phiên.
- Với xung lực mạnh, chỉ số nhiều khả năng sẽ mở rộng đà tăng điểm và tiến lên vùng đỉnh cũ quanh 1,200 trước khi bên bán gia tăng áp lực trở lại. Bên cạnh đó, phiên ngày mai có thể sẽ diễn biến rung lắc hơn do việc đáo hạn của F1.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Quay lại chiến lược giao dịch linh hoạt 2 chiều trong phiên, ưu tiên trading hợp đồng F2.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Chuyển tiếp vị thế LONG sang hợp đồng F2.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

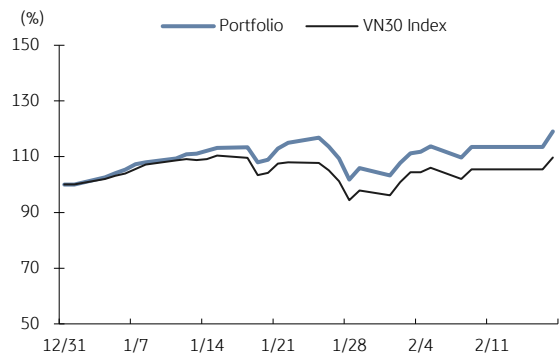
Khởi phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	4.02%	4.90%
Tăng lũy kế (YTD)	9.73%	19.06%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 17/02/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	138,000	6.6%	19.1%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	35,000	4.8%	43.1%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	86,500	3.5%	12.9%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	25,800	4.2%	51.8%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế hệ thống vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	59,100	3.7%	73.8%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	77,900	4.4%	132.7%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	36,800	4.0%	50.8%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	86,900	6.9%	18.4%	- Hướng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	43,450	3.9%	122.3%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	41,300	7.0%	201.5%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hướng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VHM	4.3%	22.4%	192.3
HPG	4.0%	31.1%	171.8
VRE	7.0%	31.2%	91.9
FUESSVFL	5.0%	100.0%	78.4
KBC	7.0%	20.3%	54.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	0.7%	57.9%	-113.1
CTG	4.0%	28.7%	-24.1
HT1	2.9%	5.9%	-17.6
STB	3.3%	9.6%	-12.2
BMP	3.2%	82.0%	-9.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	9.6%	10.4%	5.0
S99	9.6%	0.4%	0.5
SHB	3.9%	5.4%	0.5
PVG	5.7%	0.8%	0.4
CDN	3.0%	21.5%	0.4

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VCS	2.8%	3.5%	-3.1
CSC	-2.3%	2.8%	-1.6
BVS	5.5%	13.3%	-1.3
PVC	9.0%	10.1%	-1.1
SHS	3.2%	9.2%	-1.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu khí	11.5%	PLX, PVD
Công nghệ thông tin	10.0%	FPT, SAM
Bán lẻ	8.7%	MWG, DGW
Dịch vụ tài chính	8.6%	SSI, VND
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	6.6%	GAS, POW

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-3.2%	YEG, PNC
Ô tô và phụ tùng	1.0%	TCH, CTF
Y tế	1.2%	OPC, TNH
Du lịch và Giải trí	1.7%	SCS, VJC
Xây dựng và Vật Liệu	1.9%	VGC, SII

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Công nghệ thông tin	14.5%	FPT, SGT
Bán lẻ	8.0%	MWG, ABS
Hàng cá nhân & Gia dụng	7.9%	TCM, PNJ
Xây dựng và Vật Liệu	2.1%	VGC, VCG
Bất động sản	1.1%	BCM, ABS

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	-15.0%	PHR, DPM
Truyền thông	-14.9%	YEG, AAA
Bảo hiểm	-12.3%	BVH, BMI
Thực phẩm và đồ uống	-6.6%	SAB, VNM
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-5.9%	TMP, CHP

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam



## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	108,000	365,303 (15,872)	153,176 (6.6)	22.6	44.3	31.2	11.1	8.5	11.0	3.5	3.1	1.7	0.5	-2.9	-0.2
	VHM	VINHOMES JSC	101,000	332,241 (14,436)	294,613 (12.8)	26.6	10.5	8.8	37.1	30.8	28.8	3.0	2.3	4.3	3.9	-0.6	12.8
	VRE	VINCOM RETAIL JS	33,750	76,691 (3,332)	220,892 (9.6)	17.8	24.7	18.6	-7.6	10.4	12.3	2.5	2.3	7.0	2.0	-8.0	7.5
	NVL	NO VA LAND INVES	81,000	86,180 (3,745)	259,488 (11.3)	31.3	19.9	17.9	6.4	12.1	13.7	2.6	2.2	2.5	-2.4	13.0	24.1
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	33,500	18,720 (813)	48,401 (2.1)	11.6	15.2	9.9	17.7	15.1	20.1	2.1	1.8	5.0	5.8	-1.5	14.3
DXG	DAT XANH GROUP	24,550	12,724 (553)	205,162 (8.9)	14.0	11.6	8.3	-	15.2	18.2	1.6	1.3	7.0	17.7	41.1	53.9	
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	100,000	370,888 (16,115)	136,919 (5.9)	6.3	18.7	14.7	17.8	19.9	21.2	3.2	2.7	2.9	1.1	-3.1	2.1
	BID	BANK FOR INVESTM	42,100	169,327 (7,357)	79,183 (3.4)	12.7	18.2	12.0	4.9	12.2	15.4	1.9	1.7	3.2	1.8	13.8	-12.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,400	134,588 (5,848)	633,085 (27.5)	0.0	10.1	8.6	14.4	16.8	16.5	1.6	1.3	6.7	9.7	4.2	21.9
	CTG	VIETNAM JS COMM	36,800	137,021 (5,954)	353,054 (15.3)	1.3	10.3	8.2	61.0	15.3	16.0	1.4	1.2	4.0	5.4	-6.8	6.5
	VPB	VIETNAM PROSPERI	41,150	101,013 (4,389)	244,004 (10.6)	0.0	9.4	8.5	18.8	18.5	17.2	1.6	1.3	6.9	16.1	10.5	26.6
	MBB	MILITARY COMMERC	25,800	72,208 (3,137)	416,917 (18.1)	0.0	7.4	6.3	14.6	18.7	19.0	1.3	1.1	4.2	6.4	-3.6	13.2
	HDB	HDBANK	25,400	40,482 (1,759)	100,194 (4.3)	4.2	7.6	6.6	23.4	19.0	18.5	1.3	1.1	5.4	5.8	-9.0	6.9
	STB	SACOMBANK	18,750	33,819 (1,469)	558,304 (24.2)	14.0	14.3	9.9	32.4	8.6	11.1	1.1	1.0	3.3	4.2	11.1	10.9
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,700	28,577 (1,242)	70,038 (3.0)	0.0	7.9	6.6	37.5	19.9	19.7	1.4	1.2	3.2	3.4	-3.5	3.4
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,000	22,130 (962)	16,832 (0.7)	0.2	29.6	23.4	27.3	4.4	5.3	1.3	1.2	1.1	0.6	18.2	-6.5	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	57,240 (2.5)	21.1	29.5	25.7	15.2	8.1	8.6	2.2	2.1	3.3	5.8	10.8	-6.2
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,350	2,407 (105)	14,242 (0.6)	14.2	12.7	10.4	8.4	9.4	11.1	1.0	1.0	3.3	4.2	18.2	-13.9
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,550	20,097 (873)	440,975 (19.1)	55.4	17.3	15.3	0.0	11.6	12.0	-	-	5.7	13.0	-9.2	1.4
	VCI	VIET CAPITAL SEC	55,500	9,191 (399)	76,354 (3.3)	72.0	11.9	-	-4.0	15.5	-	-	-	4.9	7.1	10.9	-4.6
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,400	8,968 (390)	160,058 (6.9)	52.4	16.9	-	-19.0	14.6	-	-	-	4.3	7.7	13.9	-6.4
	VND	VNDIRECT SECURIT	28,000	5,838 (254)	129,241 (5.6)	27.2	-	-	36.7	11.2	-	-	-	3.3	13.8	11.8	-6.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	108,700	227,178 (9,871)	320,648 (13.9)	42.1	20.0	18.4	4.0	37.5	37.0	6.7	5.8	0.6	-0.9	-4.6	-0.1
	SAB	SAIGON BEER ALCO	181,400	116,328 (5,054)	38,788 (1.7)	36.9	22.0	19.1	7.3	25.4	26.3	5.0	4.5	0.7	1.3	-9.5	-7.0
	MSN	MASAN GROUP CORP	92,000	108,071 (4,696)	209,209 (9.1)	16.5	41.6	27.0	-51.9	11.4	18.4	3.8	4.0	3.7	3.5	-1.1	3.5
	HNG	HOANG ANH GIA LA	11,900	13,192 (573)	85,701 (3.7)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	6.7	6.3	24.4	-18.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,000	68,623 (2,982)	88,924 (3.9)	11.0	44.4	20.9	-88.3	14.1	18.3	4.2	3.6	1.6	0.0	-0.6	4.8
	GMD	GEMADEPT CORP	32,700	9,855 (428)	106,929 (4.6)	11.1	21.9	16.4	-57.3	7.5	9.5	1.6	1.5	6.9	12.6	-8.5	0.3
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	51,135 (2.2)	38.8	11.2	7.5	78.0	8.9	12.0	1.0	0.9	5.9	4.4	-5.2	5.6
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,740	2,123 (92)	133,236 (5.8)	46.4	-	-	-89.3	-	-	-	-	6.9	3.6	6.9	47.8
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	21,250	10,242 (445)	128,102 (5.6)	37.7	12.2	7.6	-13.8	12.4	17.5	-	-	4.9	5.5	10.9	-5.6
	CTD	COTECCONS CONSTR	72,300	5,371 (233)	78,773 (3.4)	3.6	10.2	10.3	-43.9	6.4	6.5	0.6	0.7	4.8	1.8	13.0	-6.9
	REE	REE	59,100	18,265 (794)	51,136 (2.2)	0.0	10.7	9.6	-4.5	14.2	13.7	1.4	1.3	3.7	9.4	10.5	20.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	86,900	166,322 (7,227)	91,528 (4.0)	46.1	17.0	15.9	-18.6	22.5	20.5	3.3	3.3	6.9	8.6	-5.1	0.3
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	17,966 (0.8)	31.4	9.7	8.1	-10.5	16.9	20.3	1.6	1.6	1.1	-4.4	-8.6	-7.1
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,400	8,464 (368)	14,456 (0.6)	34.1	10.8	10.9	-5.3	12.0	13.0	1.4	1.4	2.3	2.3	5.0	8.0
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	43,450	143,962 (6,255)	1,161,544 (50.4)	18.0	9.5	8.3	25.2	23.0	22.3	2.1	1.7	3.9	3.5	-2.4	4.8
	DPM	PETROVIETNAM FER	16,350	6,398 (278)	39,183 (1.7)	36.5	9.9	11.3	0.2	8.9	7.5	0.7	0.7	2.5	2.5	-	-13.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	12,800	6,776 (294)	45,134 (2.0)	46.5	15.7	14.8	-4.3	7.8	8.2	1.1	1.1	2.4	1.6	-	-8.6
	HSG	HOA SEN GROUP	25,450	11,307 (491)	247,638 (10.7)	38.9	9.2	7.9	67.9	17.1	16.1	1.5	1.3	6.0	6.5	0.6	14.9
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	13,650	3,027 (132)	37,702 (1.6)	97.2	8.7	9.7	21.9	10.6	9.6	0.8	0.8	5.0	2.6	-	-5.2
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	55,700	67,888 (2,950)	55,333 (2.4)	4.6	20.6	17.6	-49.7	15.3	16.4	2.7	2.7	5.1	10.3	-0.5	2.0
	PVD	PETROVIETNAM DRI	22,650	9,539 (414)	233,920 (10.2)	39.8	54.2	27.2	-11.9	1.1	2.4	0.7	0.7	6.8	21.1	-0.7	39.8
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,500	5,664 (246)	131,308 (5.7)	35.9	10.7	9.9	-0.1	10.4	10.3	1.0	0.9	6.7	6.7	8.7	25.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	138,000	64,325 (2,795)	220,136 (9.6)	0.0	12.7	10.0	13.7	28.0	28.5	3.2	2.6	6.6	8.2	8.0	16.1
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	86,500	19,667 (855)	60,662 (2.6)	0.0	16.3	12.8	7.0	23.0	23.9	3.4	2.7	3.5	4.3	4.8	6.8
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	39,000	1,220 (053)	3,579 (0.2)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-1.5	-2.7	12.9	-15.4
	FRT	FPT DIGITAL RETA	27,950	2,208 (096)	50,381 (2.2)	30.3	17.4	13.2	-75.2	9.2	13.4	1.8	1.7	6.3	8.1	-	-12.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	60,900	8,252 (359)	63,411 (2.8)	34.7	8.6	15.4	41.1	32.6	16.9	2.4	2.5	5.4	3.7	-	-3.3
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	101,000	13,205 (574)	1,500 (0.1)	45.4	17.3	16.7	10.7	20.3	19.7	3.2	3.0	0.0	0.2	-6.5	-2.9
	PME	PYMEPHARCO JSC	79,800	5,986 (260)	123 (0.0)	11.7	-	-	1.7	-	-	-	-	5.0	7.8	5.1	4.3
IT	FPT	FPT CORP	77,900	61,066 (2,653)	210,194 (9.1)	0.0	15.6	12.8	15.5	25.8	27.5	3.3	3.1	4.4	11.3	17.0	31.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

---

**Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình**

binhnx@kbsec.com.vn

### **Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường**

**Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh**

anhtd@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh**

trinhhtt@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng**

tungla@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh**

anhhttp@kbsec.com.vn

### **Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)**

**Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu**

hieudd@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng**

tungna@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga**

ngaphb@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu**

hieunn@kbsec.com.vn

### **Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)**

**Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim**

harrison.kim@kbf.com

**Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung**

dungdpp@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh**

danhnt@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.